

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo P Mỹ Quý TP Long Xuyên-An Giang

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày: 30 tháng 09 năm 2013

Chưa hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1,713,293,339,461</b>	<b>1,506,863,793,140</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>41,424,570,015</b>	<b>74,233,923,639</b>
1. Tiền	111		31,156,099,047	57,985,523,689
2. Các khoản tương đương tiền	112		10,268,470,968	16,248,400,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12,005,101,953</b>	<b>9,160,587,958</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12,005,101,953	9,160,587,958
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>V.02</b>	<b>794,595,545,267</b>	<b>621,358,091,615</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		648,863,402,794	489,420,926,988
2. Trả trước cho người bán	132		109,702,851,367	65,332,288,562
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		108,972,834,554	133,814,279,692
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(72,943,543,448)	(67,209,403,627)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.03</b>	<b>839,802,755,786</b>	<b>768,373,596,185</b>
1. Hàng tồn kho	141		842,885,002,311	772,654,408,221
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3,082,246,525)	(4,280,812,036)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.04</b>	<b>25,465,366,440</b>	<b>33,737,593,748</b>
1. Chi phí trả trước	151		2,418,346,705	1,530,873,244
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16,555,964,212	25,131,923,607
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,491,055,523	7,074,796,897
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>873,599,893,569</b>	<b>825,929,052,555</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị nội bộ	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>374,716,613,141</b>	<b>371,262,234,752</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.05</b>	<b>85,480,119,138</b>	<b>95,406,822,515</b>
- Nguyên giá	222		297,379,322,688	301,699,389,969
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(211,899,203,550)	(206,292,567,454)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	<b>V.06</b>	<b>66,077,066,740</b>	<b>35,715,458,314</b>
- Nguyên giá	225		74,011,928,416	36,781,113,206

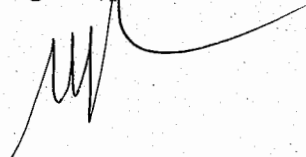
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(7,934,861,676)	(1,065,654,892)
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.07</b>	<b>108,681,972,258</b>	<b>109,074,847,561</b>
- Nguyên giá	228		109,218,717,993	109,348,288,893
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(536,745,735)	(273,441,332)
<b>4. Chi phí XDCB dở dang</b>	<b>230</b>	<b>V.08</b>	<b>114,477,455,005</b>	<b>131,065,106,362</b>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.09</b>	<b>479,343,823,036</b>	<b>439,949,550,168</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		39,499,104,000	39,499,104,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252		205,713,000,000	159,612,500,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		242,000,750,000	244,504,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(7,869,030,964)	(3,666,053,832)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.10</b>	<b>19,539,457,392</b>	<b>14,717,267,635</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		15,973,091,313	12,968,867,635
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		3,566,366,079	1,748,400,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2,586,893,233,030</b>	<b>2,332,792,845,695</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>		<b>5</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,265,308,751,110</b>	<b>973,626,978,179</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,223,798,046,529</b>	<b>956,842,252,481</b>
1. Vay ngắn hạn	311	V.11	874,579,035,188	768,664,956,430
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	231,276,614,731	114,977,988,735
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	32,007,437,371	13,020,949,263
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	3,935,990,844	1,365,460,208
5. Phải trả công nhân viên	315	V.15	10,542,587,367	12,580,218,894
6. Chi phí phải trả	316		2,000,000,000	1,057,545,841
7. Phải trả cho nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp khác khác	319	V.16	67,915,586,082	41,929,782,035
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1,540,794,946	3,245,351,075
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>41,510,704,581</b>	<b>16,784,725,698</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	41,510,704,581	16,784,725,698
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>1,321,584,481,920</b>	<b>1,359,165,867,516</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>1,321,584,481,920</b>	<b>1,359,165,867,516</b>

1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		660,000,000,000	660,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		611,965,459,100	611,965,459,100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		77,036,652,668	114,618,038,264
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)</b>	<b>430</b>		<b>2,586,893,233,030</b>	<b>2,332,792,845,695</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	V.19	2,598,204,737	2,598,204,737
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ nhân gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ nhận ký giữ			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		23,771,221,296	23,771,221,296
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp dự án		52,819,359,723	52,819,359,723

Người lập biểu



Trần Thị Quý

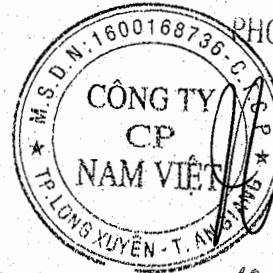
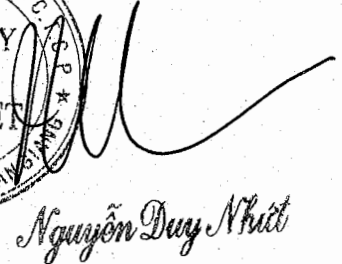
Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh

Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Nhật

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo P Mỹ Quý TP Long Xuyên-An Giang

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

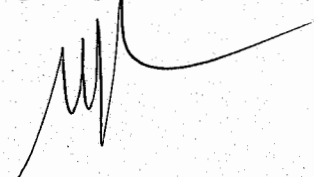
Chưa hợp nhất

Quý 03/2013

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	7	8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01.		651,260,610,081	384,362,908,275	1,814,108,486,129	1,117,418,373,461
2. Các khoản giảm trừ	02		7,739,693,520	1,211,833,441	12,116,264,401	7,992,523,896
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>643,520,916,561</b>	<b>383,151,074,834</b>	<b>1,801,992,221,728</b>	<b>1,109,425,849,565</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	557,011,378,092	345,148,011,408	1,593,826,759,967	973,778,022,946
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp</b>	<b>20</b>		<b>86,509,538,469</b>	<b>38,003,063,426</b>	<b>208,165,461,761</b>	<b>135,647,826,619</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,783,766,160	14,574,798,568	19,458,520,566	62,054,252,885
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16,744,952,619	7,728,808,026	54,752,571,327	34,541,292,848
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23		15,583,570,774	7,723,742,925	48,173,723,563	35,343,764,016
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	40,787,871,860	16,352,789,991	115,841,857,669	57,024,338,197
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10,703,160,796	7,089,608,407	36,347,370,636	23,417,066,558
<b>10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (2</b>	<b>30</b>		<b>24,057,319,354</b>	<b>21,406,655,570</b>	<b>20,682,182,695</b>	<b>82,719,381,901</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4,171,255,912	20,008,095,541	5,995,856,829	24,183,692,508
12. Chi phí khác	32	VI.8	4,048,965,676	20,094,857,152	5,214,700,120	25,647,924,177
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>122,290,236</b>	<b>(86,761,611)</b>	<b>781,156,709</b>	<b>(1,464,231,669)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=3</b>	<b>50</b>		<b>24,179,609,590</b>	<b>21,319,893,959</b>	<b>21,463,339,404</b>	<b>81,255,150,232</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51-52)</b>	<b>60</b>		<b>24,179,609,590</b>	<b>21,319,893,959</b>	<b>21,463,339,404</b>	<b>81,255,150,232</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Người lập biểu

  
Trần Thị Quý

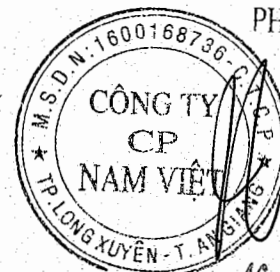
Kế toán trưởng

  
Trần Minh Cảnh

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

Tổng giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



  
Nguyễn Duy Nhật

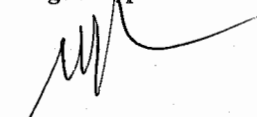
**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)  
Quý 03/2013  
(Chưa hợp nhất)

Đvt : VND

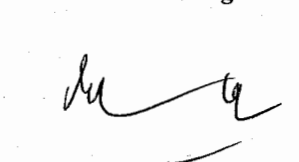
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm này	Năm trước
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,582,876,495,991	1,114,054,421,265
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1,416,057,808,223)	(1,072,532,285,501)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(79,993,189,162)	(40,380,804,812)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(49,231,558,659)	(34,018,425,574)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	800,256,867,074	1,623,395,414,159
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(422,681,701,888)	(1,751,295,741,228)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>415,169,105,133</b>	<b>(160,777,421,691)</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(155,874,000,000)	(203,997,886,071)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	151,779,768,430	186,709,807,039
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(65,488,275,100)	(57,108,000,000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2,503,250,000	4,000,000,000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20,100,792,411	1,569,043,049
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(46,978,464,259)</b>	<b>(68,827,035,983)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,329,994,673,211	1,792,505,079,790
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,675,066,780,724)	(1,683,495,543,834)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(55,927,886,985)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(400,999,994,498)</b>	<b>109,009,535,956</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(32,809,353,624)</b>	<b>(120,594,921,718)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>74,233,923,639</b>	<b>140,080,363,330</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(13,322,454)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>41,424,570,015</b>	<b>19,472,119,158</b>

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

Người lập

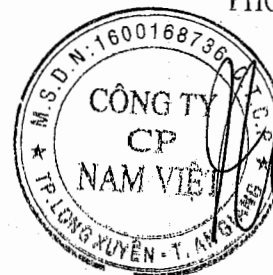
  
Trần Thị Quý

Kế toán trưởng

  
Trần Minh Cảnh

Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



  
Nguyễn Duy Nhật

# **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Chưa hợp nhất)

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, chế biến thủy sản.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- 2. Tiền và tương đương tiền**  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
- 3. Hàng tồn kho**  
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ,

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 tháng đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 tháng đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định (theo thông tư 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013) như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-30
Máy móc và thiết bị	3-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2-7

#### 6. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê tài sản đó.

#### 7. Tài sản cố định vô hình

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chi phí đền bù được khấu hao từ 6-7 năm, quyền sử dụng đất nhà máy đông lạnh (tiền sử dụng đất) không tính khấu hao.

##### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc, Dự phòng đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 9. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận theo thông tư 179/2012/TT- BTC.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tiền mặt	1,381,927,000	1,336,835,588
Tiền gửi ngân hàng	29,620,485,975	56,648,688,051
Các khoản tương đương tiền	10,268,470,968	16,248,400,000
<b>Cộng</b>	<b><u>41,424,570,015</u></b>	<b><u>74,233,923,639</u></b>

#### 2. Các khoản phải thu

	<u>30/09/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Phải thu trong nước (*)	357,369,421,051	225,707,418,272
Phải thu nước ngoài (*)	291,493,981,743	263,713,508,716



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

Trả trước người bán (**)	109,702,851,367	65,332,288,562
Các khoản phải thu khác (***)	108,972,834,554	133,814,279,692
Dự phòng phải thu khó đòi	(72,943,543,448)	(67,209,403,627)
<b>Công</b>	<b>794,595,545,267</b>	<b>621,358,091,615</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu trong nước và nước ngoài

	<u>30/09/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
<i>Phải thu tiền bán thành phẩm</i>	513,887,226,750	342,876,708,341
<i>Phải thu bán phụ phẩm</i>	2,673,058,000	15,081,700
<i>Phải thu bán gelatin</i>	-	979,724,822
<i>Phải thu phí ủy thác và các khoản trả hộ DTD</i>	92,214,916,693	94,667,983,581
<i>Phải thu từ thoái vốn cty CP Cromi Nam Việt</i>	25,293,101,305	25,293,101,305
<i>Thu từ thanh lý nguyên vật liệu</i>	11,512,195,051	11,512,195,051
<i>Thu từ bán tài sản, lãi vay từ cromit</i>	-	11,739,286,400
<i>Thu từ bán tài sản – trả hàng nhập khẩu ủy thác</i>	922,687,500	9,164,356,722
<i>Thu khác</i>	2,360,217,495	2,172,489,066
<b>Công</b>	<b>648,863,402,794</b>	<b>498,420,926,988</b>

(\*\*) Chi tiết các khoản trả trước người bán

	<u>30/09/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
<i>Mua nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá</i>	3,604,410,880	5,561,487,765
<i>Mua xe nâng dầu – lắp đặt trạm điện</i>	1,193,000,000	693,000,000
<i>Mua tài sản</i>	1,486,183,000	810,697,177
<i>Ký quỹ mua nguyên liệu phụ phẩm</i>	200,000,000	200,000,000
<i>Ứng mua hóa chất- vật tư bao bì</i>	1,262,994,045	
<i>Chi phí cước vận chuyển</i>	237,819,352	72,314,550
<i>Tiền gia công</i>	4,491,730,000	3,767,488,203
<i>Ứng trước cho người bán cá</i>	200,000,000	200,000,000
<i>Mua máy bơm vùng nuôi</i>	-	273,036,300
<i>Đào ao nuôi cá</i>	380,000,000	100,472,600
<i>Thuê đất VN ngọc sinh</i>	930,000,000	50,000,000
<i>Đầu tư nuôi cá</i>	94,261,761,364	52,832,600,864
<i>Tham gia hội chợ</i>	643,994,903	654,694,903
<i>Mua vật tư và các loại khác</i>	810,957,823	116,496,200
<b>Công</b>	<b>109,702,851,367</b>	<b>65,332,288,562</b>

(\*\*\*) Chi tiết các khoản phải thu khác

	<u>30/09/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
<i>Cấp vốn Ân Độ Dương</i>	85,193,458,057	114,824,590,706
<i>Tiền vận chuyển</i>	754,435,270	1,174,529,135
<i>Tiền, vật tư</i>	7,531,777,007	7,531,777,007
<i>Thuế chờ hoàn</i>	637,643,232	5,502,097
<i>Phải thu BHXH</i>	-	160,935,400

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

<i>Chi hệ cước vận chuyển</i>	69,435,270	69,435,270
<i>Phải thu lương, BHXH chi hệ cromit Nam Việt</i>	2,026,239,082	2,026,239,082
<i>Bán tài sản- lãi vay Cromit</i>	11,635,308,039	
<i>Lãi đầu tư- tiền gửi</i>	86,062,500	7,064,413,103
<i>Phải thu do hàng kém chất lượng</i>	363,359,542	526,834,242
<i>Các khoản phải thu khác</i>	675,116,555	430,023,650
<b>Cộng</b>	<b><u>108,972,834,554</u></b>	<b><u>133,814,279,692</u></b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b><u>30/09/2013</u></b>	<b><u>31/12/2012</u></b>
Hàng mua đang đi trên đường	2,037,507,332	16,931,035,809
Nguyên vật liệu	117,222,405,479	35,854,022,300
Công cụ dụng cụ	1,515,051,279	1,440,084,661
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của phân xưởng bao bì, bào chế thuốc, thức ăn	971,103,821	645,802,657
Chi phí sản xuất dở dang của cá nguyên liệu tại các vùng nuôi	395,438,681,739	440,467,849,097
Thành phẩm	305,502,000,107	247,203,779,271
Hàng hóa mua ngoài	4,899,698,764	16,435,958,851
Hàng gửi bán	15,298,553,790	13,675,875,764
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3,082,246,525)	(4,280,812,036)
<b>Cộng</b>	<b><u>839,802,755,786</u></b>	<b><u>772,654,408,221</u></b>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b><u>30/09/2013</u></b>	<b><u>31/12/2012</u></b>
Thuế GTGT được khấu trừ	16,555,964,212	25,131,923,607
Mua cá giống	2,603,488,710	2,285,809,260
Mua đất	2,454,441,876	3,670,492,681
Chi phí trả trước ngắn hạn	2,418,346,705	1,530,873,244
Tạm ứng mua hàng khác	1,433,124,937	764,809,689
Ký quỹ	-	353,685,267
<b>Cộng</b>	<b><u>25,465,366,440</u></b>	<b><u>33,737,593,748</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày <b>31/12/2012</b>	<b>101,953,848,127</b>	<b>174,424,680,143</b>	<b>17,009,340,864</b>	<b>8,311,520,835</b>	<b>301,699,389,969</b>
Tăng trong kỳ	21,757,007,659	14,733,406,310	2,107,868,744	114,520,000	38,712,802,713
Tăng khác					
Giảm do thanh lý		6,073,741,672	223,761,360	1,373,301,081	7,670,804,113
Giảm khác	49,001,400	32,939,111,785	1,366,311,961	1,007,640,735	35,362,065,881
Tại ngày <b>30/09/2013</b>	<b>123,661,854,386</b>	<b>150,145,232,996</b>	<b>17,527,136,287</b>	<b>6,045,099,019</b>	<b>297,379,322,688</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày <b>31/12/2012</b>	<b>64,481,882,246</b>	<b>121,643,969,452</b>	<b>12,948,005,015</b>	<b>7,218,710,741</b>	<b>206,292,567,454</b>
Tăng trong kỳ	4,465,831,910	7,226,599,328	1,135,052,356	305,527,331	13,133,010,925
Tăng khác					
Giảm trong kỳ		270,220,098			270,220,098
Giảm khác	9,187,763	4,544,279,030	964,660,619	1,738,027,319	7,256,154,731
Tại ngày <b>30/09/2013</b>	<b>68,938,526,393</b>	<b>124,056,069,652</b>	<b>13,118,396,752</b>	<b>5,786,210,753</b>	<b>211,899,203,550</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	<b>37,471,965,881</b>	<b>52,780,710,691</b>	<b>4,061,335,849</b>	<b>1,092,810,094</b>	<b>95,406,822,515</b>
Số dư cuối quý	<b>54,723,327,993</b>	<b>26,089,163,344</b>	<b>4,408,739,535</b>	<b>258,888,266</b>	<b>85,480,119,138</b>

**6. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày <b>31/12/2012</b>	<b>36,781,113,206</b>	<b>36,781,113,206</b>
Tăng trong kỳ	37,230,815,210	37,230,815,210
Giảm trong kỳ		
Tại ngày <b>30/09/2013</b>	<b>74,011,928,416</b>	<b>74,011,928,416</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Tại ngày <b>31/12/2012</b>	<b>1,065,654,892</b>	<b>1,065,654,892</b>
Tăng trong kỳ	6,869,206,784	6,869,206,784
Giảm trong kỳ		
Tại ngày <b>30/09/2013</b>	<b>7,934,861,676</b>	<b>7,934,861,676</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm 2013	<b>35,715,458,314</b>	<b>35,715,458,314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

Số dư cuối quý	<b><u>66,077,066,740</u></b>	<b><u>66,077,066,740</u></b>
----------------	------------------------------	------------------------------

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b><u>108,856,719,893</u></b>	<b><u>491,569,000</u></b>	<b><u>109,348,288,893</u></b>
Tăng trong kỳ			
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác		129,570,900	129,570,900
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b><u>108,856,719,893</u></b>	<b><u>361,998,100</u></b>	<b><u>109,218,717,993</u></b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>		<b><u>273,441,332</u></b>	<b><u>273,441,332</u></b>
Tăng trong kỳ	280,020,635	62,670,312	62,670,312
Tăng khác			
Giảm trong kỳ		-	-
Giảm khác		45,954,080	45,954,080
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b><u>280,020,635</u></b>	<b><u>256,725,100</u></b>	<b><u>536,745,735</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm 2013	<b><u>108,856,719,893</u></b>	<b><u>218,127,668</u></b>	<b><u>109,074,847,561</u></b>
Số dư cuối quý	<b><u>108,576,699,258</u></b>	<b><u>105,273,000</u></b>	<b><u>108,681,972,258</u></b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b><u>131,065,106,362</u></b>
Tăng trong kỳ	18,698,735,650
Giảm trong kỳ	35,286,387,007
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b><u>114,477,455,005</u></b>

*Chi tiết chi phí xây dựng dở dang:*

	<b><u>30/09/2013</u></b>	<b><u>31/12/2012</u></b>
<i>Dự án các khu nuôi trồng thủy sản</i>	100,118,673,608	97,010,630,734
<i>Chi phí xây dựng cơ bản vùng nuôi</i>	14,173,070,456	21,202,243,355
<i>Nhà máy chế biến thức ăn</i>	185,710,941	11,713,041,241
<i>Chi phí khác</i>		1,470,215,714
	<b><u>114,477,455,005</u></b>	<b><u>131,065,106,362</u></b>

**9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b><u>30/09/2013</u></b>	<b><u>31/12/2012</u></b>
Đầu tư vào công ty con (1*)	39,499,104,000	39,499,104,000
Đầu tư vào Cty liên kết, liên doanh (2*)	205,713,000,000	159,612,500,000
Đầu tư chứng khoán (3*)	135,000,000,000	135,000,000,000
Đầu tư dài hạn khác (4*)	107,000,750,000	109,504,000,000
DP giảm giá ĐTTC dài hạn	(7,869,030,964)	(3,666,053,832)

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

<b>Công</b>	<b>479,343,823,036</b>	<b>439,949,550,168</b>
-------------	------------------------	------------------------

(\*)Chi tiết tên các đơn vị được đầu tư:

	<b>Vốn Đầu Tư</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Mệnh giá</b>
(1*) 1-Công ty TNHH Ấn Độ Dương -100% vốn điều lệ	36,000,000,000		
2-Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông – 90,91% vốn điều lệ	3,499,104,000		
(2*) 1-Cty Cổ phần DAP số 2 – VINACHEM – 39%	205,713,000,000		
(3*) 1- Ngân Hàng TM CP Phát Triển Mê Kông	135,000,000,000	5,400,000	10,000
(4*) 1- Góp vốn thành lập Cty CP Bảo Hiểm Hàng Không	43,200,000,000	4,000,000	10,000
2- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	20,000,000,000	200	100,000,000
3- Công ty TNHH Cromit Nam Việt	11,000,000,000		
4- Góp vốn Cty Tài chính CP Hoá chất Việt Nam	10,000,000,000	1,000,000	10,000
5- Góp vốn Cty CP Quản Lý Quỹ Hùng Việt	2.496.750.000	-	-
6- Góp vốn cty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20,304,000,000	-	-

**10. Tài sản dài hạn khác**

	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-
Chi phí thuê đất vùng nuôi chờ phân bổ	5,014,469,445	4,000,000,000
Chi phí công cụ dụng cụ	4,360,178,684	1,819,746,503
Chi phí chờ phân bổ khác	6,598,443,184	7,149,121,132
Ký quỹ thuê tài chính	3,462,226,079	1,748,400,000
Ký quỹ VP USA	104,140,000	
<b>Công</b>	<b>19,539,457,392</b>	<b>14,717,267,635</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Ngân hàng Vietcombank An Giang	239,000,000,000	294,376,409,245
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội –CN AG	132,400,000,000	132,000,000,000
Ngân hàng đầu tư và phát triển - CN Châu Đốc	148,103,529,841	122,285,250,375
Ngân hàng XNK Việt Nam-Eximbank	54,708,470,000	71,188,278,305
Ngân hàng Phát Triển Chi Nhánh An Giang	170,100,000,000	48,000,000,000
Dương Thị Kim Hương	90,000,000,000	90,000,000,000
Doãn Tới	21,440,578,844	4,711,528,844
Công ty TNHH Thanh Thiên	7,100,000,000	
Thuê tài chính - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH Á Châu	11,726,456,503	6,103,489,661
<b>Công</b>	<b>874,579,035,188</b>	<b>768,664,956,430</b>

**12. Phải trả người bán**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

	<u>30/09/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Phải trả trong nước	214,486,078,587	96,727,979,734
Phải trả nước ngoài	16,790,536,144	18,250,009,001
<b>Cộng</b>	<b><u>231,276,614,731</u></b>	<b><u>114,977,988,735</u></b>

**(\*) Chi tiết khoản phải trả người bán**

	<u>30/09/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Mua máy móc thiết bị	192,255,800	765,456,000
Mua cá nguyên liệu	177,280,868,700	61,703,772,000
Mua nguyên liệu sản xuất thức ăn cho cá	16,878,594,119	15,817,060,715
Phải trả mua hóa chất	301,374,320	2,199,436,800
Mua vật tư, giấy bao bì	12,365,601,301	1,775,659,160
Mua máy bơm, hút sinh	810,435,900	32,508,000
Lắp đặt máy điều hòa, tủ đông, kho lạnh	510,234,800	710,234,800
Cải tạo nổi đốt trấu- nhà máy chế biến thức ăn	422,000,000	978,000,000
Mua nhiên liệu	1,458,290,132	354,526,800
Mua thuốc cho cá	1,911,123,719	8,793,060,607
Bể xử lý nước thải- thuê đất	1,299,603,000	416,060,000
Thu hộ ủy thác	229,406,185	229,406,185
Lắp đặt trạm biến áp- nhà máy chế biến thức ăn	4,947,224,688	235,474,288
Lắp đặt dây chuyền nhà máy Chế biến thức ăn	787,298,400	7,073,704,201
Chi phí mua cổ phần Biển Đông	8,395,526,751	3,499,104,000
Phải trả cước vận chuyển	1,708,890,729	8,301,922,439
Chi phí đào ao nuôi cá- vật liệu xây dựng	266,917,200	743,822,881
Chi phí tiêm com	265,066,799	261,888,000
Chi phí kiểm kháng sinh- dịch cá	1,245,902,188	342,093,500
Các khoản trả khác	1,245,902,188	744,798,359
<b>Cộng</b>	<b><u>231,276,614,731</u></b>	<b><u>114,977,988,735</u></b>

**13. Người mua trả tiền trước**

	<u>30/09/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Khách hàng trong nước (*)	5,852,219,674	3,132,891,503
Khách hàng nước ngoài (*)	26,155,217,697	9,888,057,760
<b>Cộng</b>	<b><u>32,007,437,371</u></b>	<b><u>13,020,949,263</u></b>

**(\*) Chi tiết khoản người mua trả tiền trước**

	<u>30/09/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Bán thành phẩm cá fille	28,602,214,026	10,811,489,595
Bán phụ phẩm	1,404,487,700	1,304,899,454
Bán tài sản	1,482,727,083	254,800,000
Các khoản trả trước khác	518,008,562	649,760,214
<b>Cộng</b>	<b><u>32,007,437,371</u></b>	<b><u>13,020,949,263</u></b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>30/09/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Thuế xuất nhập khẩu	1,584,164,116	775,091,786
Thuế thu nhập doanh nghiệp		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

Thuế thu nhập cá nhân	2,351,826,728	590,368,422
Thuế GTGT đầu ra	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3,935,990,844</u></b>	<b><u>1,365,460,208</u></b>

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Doanh thu bán mỡ cá	10%
Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm nội địa, thức ăn nuôi cá	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%

**15. Phải trả người lao động**

	<b><u>30/09/2013</u></b>	<b><u>31/12/2012</u></b>
Tiền lương còn phải trả công nhân viên	10,542,587,367	12,580,218,894
<b>Cộng</b>	<b><u>10,542,587,367</u></b>	<b><u>12,580,218,894</u></b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b><u>30/09/2013</u></b>	<b><u>31/12/2012</u></b>
Vật tư hàng hóa khác tạm nhập	4,634,692,370	3,106,363,289
Lắp ráp dây chuyền nhà máy chế biến thức ăn	-	11,322,496,402
Mua tài sản	166,636,365	
Mua hóa chất	2,652,936,290	1,979,810,020
Nhiên liệu	961,243,401	
Mua thức ăn, thuốc cho cá	-	1,410,340,798
Mua bao PP	762,204,400	2,200,904,550
Mua túi pe	1,717,108,500	843,316,650
Mua nguyên vật liệu sản xuất bao bì	3,831,077,908	3,833,999,933
Mua nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá	40,400,917,789	10,311,572,522
Mua cá giống	7,270,393,910	751,359,260
Bảo hiểm phải nộp	1,099,865,556	562,919,249
Cổ tức phải trả	1,143,285,300	922,789,500
Phải trả vận chuyển- bốc vác	1,641,892,580	2,795,564,551
Phải trả phải nộp khác	1,633,331,713	1,888,345,311
<b>Cộng</b>	<b><u>67,915,586,082</u></b>	<b><u>41,929,782,035</u></b>

**17. Vay và nợ dài hạn**

	<b><u>30/09/2013</u></b>	<b><u>31/12/2012</u></b>
Thuê tài chính dây chuyền chế biến thức ăn- cty TNHH MTV cho thuê tài chính NH Á Châu	41,510,704,581	16,784,725,698
<b>Cộng</b>	<b><u>41,510,704,581</u></b>	<b><u>16,784,725,698</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>660,000,000,000</b>	<b>611,965,459,100</b>	<b>27,417,629,848</b>	<b>114,618,038,264</b>
Tăng trong kỳ				34,451,595,521
Giảm trong kỳ				72,032,981,117
<b>Số dư tại ngày 30/09/2013</b>	<b>660,000,000,000</b>	<b>611,965,459,100</b>	<b>27,417,629,848</b>	<b>77,036,652,668</b>

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND  
 Tổng số cổ phần: 66.000.000 CP

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần**

	<u>Quý III năm 2013</u>	<u>Quý III năm 2012</u>
Doanh thu thuần bán thành phẩm	564,936,977,669	326,495,163,314
Doanh thu thuần bán phụ phẩm	74,424,124,641	53,241,280,01
Doanh thu thuần bán thành phẩm gelatin	988,654,135	2,538,131,168
Doanh thu thuần bán nguyên liệu cá	1,417,152,843	876,500,340
Doanh thu thuần khác	1,754,007,273	
<b>Cộng</b>	<b>643,520,916,561</b>	<b>383,151,074,834</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý III năm 2013</u>	<u>Quý III năm 2012</u>
Giá vốn thành phẩm đã bán	481,774,295,806	287,796,796,543
Giá vốn phụ phẩm	70,417,979,188	54,742,772,320
Giá vốn thành phẩm gelatin	572,639,351	1,242,227,945
Giá vốn nguyên liệu cá	2,282,546,889	1,366,214,600
Giá vốn khác	1,963,916,858	
<b>Cộng</b>	<b>557,011,378,092</b>	<b>345,148,011,408</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

	<u>Quý III năm 2013</u>	<u>Quý III năm 2012</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35,548,589	902,090,028
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,720,000,000	13,177,520,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2,951,278,429	438,862,865
Doanh thu lãi cho vay cá nhân	76,939,142	56,325,675
<b>Cộng</b>	<b><u>5,783,766,160</u></b>	<b><u>14,574,798,568</u></b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b><u>Quý III năm 2013</u></b>	<b><u>Quý III năm 2012</u></b>
Lãi vay	15,583,570,774	7,723,742,925
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,161,381,845	5,065,101
Dự phòng đầu tư tài chính	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>16,744,952,619</u></b>	<b><u>7,728,808,026</u></b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b><u>Quý III năm 2013</u></b>	<b><u>Quý III năm 2012</u></b>
Cước tàu, vận chuyển	28,071,521,811	10,635,385,439
Chi phí lương nhân viên	494,472,500	489,959,000
Chi phí kiểm hàng	1,125,539,065	888,098,600
Chi phí bốc hàng	1,864,197,839	734,093,833
Chi phí hoa hồng môi giới	4,440,969,961	1,851,661,627
Chi phí ngân hàng	594,954,892	443,471,436
Chi phí khác	4,196,215,792	1,310,120,056
<b>Cộng</b>	<b><u>40,787,871,860</u></b>	<b><u>16,352,789,991</u></b>
<b>6. Chi phí QLDN</b>	<b><u>Quý III năm 2013</u></b>	<b><u>Quý III năm 2012</u></b>
Khấu hao	253,734,878	464,726,281
Chi phí xăng dầu	421,079,267	332,630,006
Chi phí lương nhân viên	5,294,540,529	2,803,446,264
Chi phí ngân hàng	1,821,586,277	787,797,314
Chi phí quản lý khác	2,912,219,845	2,689,084,732
Chi phí đào tạo	-	11,923,810
Chi phí nợ khó đòi	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10,703,160,796</u></b>	<b><u>7,089,608,407</u></b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b><u>Quý III năm 2013</u></b>	<b><u>Quý III năm 2012</u></b>
Thu từ bán thanh lý tài sản	5,636,364	17,657,965,903
Thanh lý nguyên liệu thức ăn	3,514,285,714	-
Thu nhập khác	651,333,834	2,350,129,638
<b>Cộng</b>	<b><u>4,171,255,912</u></b>	<b><u>20,008,095,541</u></b>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b><u>Quý III năm 2013</u></b>	<b><u>Quý III năm 2012</u></b>
Chi phí thanh lý tài sản	-	17,657,965,903

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Chi phí khấu hao tài sản	270,462,683	2,220,028,683
Thanh lý nguyên liệu thức ăn	3,510,356,999	
Chi phí khác	268,145,994	216,862,566
<b>Cộng</b>	<b>4,048,965,676</b>	<b>20,094,857,152</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan:

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số phát sinh từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Công ty vay của Doãn Tới	18,633,050,000	32,739,386,000
<b>Các cá nhân có liên quan khác</b>		
Công ty vay của Dương Thị Kim Hương	-	-
Lãi cho vay	-	(222,643,807)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Hội đồng quản trị</b>	94,819,470	142,223,076
<b>Các cá nhân có liên quan</b>	201,756,356	
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>296,575,826</b>	<b>142,223,076</b>
<b>Hội đồng quản trị - cá nhân khác liên quan</b>		
Công ty vay của Dương Thị Kim Hương	90,000,000,000	90,000,000,000
Công ty vay của Doãn Tới	21,440,578,844	4,711,528,844
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>111,440,578,844</b>	<b>94,711,528,844</b>

Ngoài ra các thành viên hội đồng quản trị còn dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	Công ty con
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng chủ đầu tư

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số phát sinh từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Lãi cho vay	6,973,611	4,000,061
Thu thanh lý vật tư	4,854,544	6,309,300
Chi cho vay	3,527,000,000	
Chi hộ	100,000,000	73,079,910
Chi phí gia công	76,360,698	532,249,972
Mua sản phẩm	-	3,491,900,900
Chi phí thuê đất	278,877,500	-
Chi phí khác	3,975,125	-
Thu hộ	612,641	1,170,632
<b>Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương</b>		
Bán thành phẩm, bao bì	85,949,937,200	59,339,862,500
Lãi cho vay		6,899,099
Chi hộ	116,718,071	1,238,121,453
Chi phí gia công	213,838,630,660	106,538,242,140
Mua thành phẩm, bao bì, tài sản	-	822,561,465
Mua khác	146,901,666	189,077,221
Mượn tiền		1,687,068,000
Nhận tiền vay		6,457,320,000
Chi phí lãi vay		129,878,905
Thu hộ	13,144,228	2,234,852
Chi khác		1,361,502,778
<b>Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông</b>		
Bán thành phẩm	233,759,736,752	
Chi hộ	5,832,016	
Cho vay	20,123,823,932	
<b>Công ty TNHH Thanh Thiên</b>		
Đi vay	7.100.000.000	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>	
Phải thu tiền bán hàng	648,572,887	686,249,679
Phải thu phí xuất khẩu ủy thác	10,060,252,247	12,572,449,896
Tiền, vật tư cho mượn khác	11,512,195,051	11,512,195,051
Phải thu các khoản trả hộ	82,154,664,446	84,181,951,663
Cho vay	3,000,000,000	450,000,000
Lãi cho vay	-	5,100,000
Thoái vốn 45% cổ phần Cromit Nam Việt	25,293,101,305	25,293,101,305
Phải thu khác	1,905,941,740	3,767,488,203

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương</b>		
Cho mượn tiền	85,193,458,057	114,824,590,706
Phải thu khác	9,345,770,941	4,875,744,047
Phải thu bán thành phẩm	-	27,677,765,447
<b>Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông</b>		
Cho vay	2,138,220,000	1,907,656,000
Phải thu bán thành phẩm	170,786,547,069	
Phải thu các khoản chi hộ		5,639,691
Phải thu khác	6,715,491	
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>402,045,439,234</b>	<b>287,759,931,688</b>
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Phải trả tiền hàng	229,406,185	229,406,185
<b>Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương</b>		
Phải trả tiền hàng	2,049,985	26,476,373
Phải trả khác	1,634,670	93,198,060
<b>Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông</b>		
<b>Công ty TNHH Thanh Thiên</b>		
Phải trả vay	7,100,000,000	
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>7,333,090,840</b>	<b>349,080,618</b>

Ngoài ra, Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương còn dùng tài sản cố định của mình để bảo lãnh thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

## 2. Thông tin về bộ phận:

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý, dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý III/2013	Quý III/2012
Xuất khẩu	479,434,992,834	278,691,905,351
Trong nước	164,085,923,727	104,459,169,483
<b>Cộng</b>	<b>643,520,916,561</b>	<b>383,151,074,834</b>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

## 3. Quản lý rủi ro tài chính:

### Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

#### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

#### Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và nhân viên vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	41,424,570,015	-	-	-	41,424,570,015
Phải thu khách hàng	575,893,099,751	-	-	72,970,303,043	648,863,402,794
Các khoản cho vay	12,005,101,953	-	-	-	12,005,101,953
Các khoản phải thu khác	112,539,200,633	-	-	2,760,285,270	115,299,485,903
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	231,000,750,000	-	-	11,000,000,000	242,000,750,000
<b>Cộng</b>	<b>972,862,722,352</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>86,730,588,313</b>	<b>1,059,593,310,665</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.233.923.639	-	-	-	74.233.923.639
Phải thu khách hàng	420.521.133.341	-	-	68.899.793.647	489.420.926.988
Các khoản cho vay	9.160.587.953	-	-	-	9.160.587.953
Các khoản phải thu khác	132.796.892.325	-	-	2.760.285.270	135.557.177.595
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	233.504.000.000	-	-	11.000.000.000	244.504.000.000
<b>Cộng</b>	<b>870.416.537.258</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>82.460.078.917</b>	<b>952.876.616.175</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán	231,276,614,731	-	-	231,276,614,731
Vay và nợ	876,579,035,188	41,510,704,581	-	918,089,739,769
Các khoản phải trả khác	66,815,720,525	-	-	66,815,720,525
<b>Cộng</b>	<b>1,174,671,370,444</b>	<b>41,510,704,581</b>	-	<b>1,216,182,075,025</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	114,977,988,735	-	-	114,977,988,735
Vay và nợ	769,722,502,271	16,784,725,698	-	786,507,227,969
Các khoản phải trả khác	41,366,862,746	-	-	41,366,862,746
<b>Cộng</b>	<b>926,067,353,752</b>	<b>16,784,725,698</b>	-	<b>942,852,079,450</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,649,932.94	1,641.14	1,734,764.47	1,648.92
Phải thu khách hàng	13,756,540.37	-	12,030,298.57	-
Các khoản cho vay	-	-	2,000.00	-
Phải trả người bán	(1,956,559.46)	-	(876,224.76)	-
Vay và nợ	(10,178,256.15)	-	(15,691,077.69)	-
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>3,271,657.7</b>	<b>1,641.14</b>	<b>(2,800,239.41)</b>	<b>1,648.92</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tình hình tỉ giá ngoại tệ không có biến động lớn trong quý III.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

#### Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

#### Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính:

#### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	41,424,570,015	-	74,233,923,639	-	41,424,570,015	74,233,923,639

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Phải thu khách hàng	648,863,402,794	(69,983,258,178)	489,420,926,988	(64,309,118,357)	578,880,144,616	425,111,808,631
Các khoản cho vay	12,005,101,953	-	9,160,587,953	-	12,005,101,953	9,160,587,953
Các khoản phải thu khác	115,299,485,903	(2,760,285,270)	135,557,177,595	(2,760,285,270)	112,539,200,633	132,796,892,325
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	242,000,750,000	(7,869,030,964)	244,504,000,000	(3,666,053,832)	234,131,719,036	240,837,946,168
<b>Cộng</b>	<b>1,018,168,740,650</b>	<b>(80,612,574,412)</b>	<b>952,876,616,175</b>	<b>(70,735,457,459)</b>	<b>937,556,166,238</b>	<b>882,141,158,716</b>

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả người bán	231,276,614,731	114,977,988,735	231,276,614,731
Vay và nợ	904,363,283,266	785,449,682,128	904,363,283,266	785,449,682,128
Các khoản phải trả khác	80,542,177,028	42,424,408,587	80,542,177,028	42,424,408,587
<b>Cộng</b>	<b>1,216,182,075,025</b>	<b>942,852,079,450</b>	<b>1,216,182,075,025</b>	<b>942,852,079,450</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập biểu

Trần Thị Quý

Kế toán trưởng

Trần Minh Cảnh

An Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2013

Tổng giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

